

Số: 08 /ĐA-UBND

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2025

ĐỀ ÁN

HỢP NHẤT SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VÀ SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết xây dựng đề án

Thực hiện Kế hoạch số 03-KH/BCĐ ngày 03/12/2024 của Ban Chỉ đạo Thành phố tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW; Kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy kỳ họp ngày 26/12/2024 về phương án đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị Thành phố theo chỉ đạo của Trung ương; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 02/01/2025 của UBND Thành phố về việc rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập khối chính quyền thành phố Hà Nội; việc xây dựng Đề án hợp nhất Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Sở Tài nguyên và Môi trường thành Sở Nông nghiệp và Môi trường là cần thiết nhằm tiếp tục sắp xếp các Sở quản lý theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, thực hiện nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính; khắc phục triệt để tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, chia cắt về địa bàn, lĩnh vực, đồng thời sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức bên trong các cơ quan, đơn vị bảo đảm tinh gọn, giảm đầu mối.

2. Căn cứ xây dựng đề án

2.1. Căn cứ chính trị

(1) Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

(2) Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

(3) Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

(4) Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

(5) Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025.

(6) Quy định 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị quản lý biên chế hệ thống chính trị.

(7) Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

(8) Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026.

(9) Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

(10) Kết luận 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

(11) Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

(12) Kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy kỳ họp ngày 26/12/2024 về phương án đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị Thành phố theo chỉ đạo của Trung ương

2.2. Căn cứ pháp lý

(1) Luật Thủ đô năm 2024.

(2) Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025.

(3) Nghị định số ... ngày ... của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

(4) Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

(5) Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính.

(6) Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

(7) Thông tư số 30/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

(8) Thông tư số 05/2021/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

(9) Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ theo Nghị quyết số 18-NQ/TW.

(10) Công văn số 7968/BNV-CCVC ngày 08/12/2024 của Bộ Nội vụ về việc định hướng xây dựng phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức và người làm việc theo chế độ hợp đồng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính.

(11) Công văn số 24/CV-BCĐTKNQ18 ngày 18/12/2024 của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về việc định hướng về sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh.

(12) Công văn số 31/CV-BCĐTKNQ18 ngày 04/01/2025 của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 04/01/2025 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

(13) Công văn số 05/CV-BCĐTKNQ18 ngày 12/01/2025 của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18 - NQ/TW của Chính phủ về việc bổ sung, hoàn thiện phương án sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

(14) Công văn số 35/CV-BCĐTKNQ18 ngày 23/01/2025 của Ban chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về việc hoàn thiện phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy.

(15) Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 02/01/2025 về việc rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập khối chính quyền thành phố Hà Nội.

(16) Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND ngày 19/11/2024 của HĐND Thành phố quy định về việc thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND Thành phố; thuộc UBND quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC

1. Quan điểm

1.1. Bám sát chủ trương, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo của Chính phủ, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Ban Chỉ đạo Thành phố; Ban Thường vụ Thành ủy; UBND Thành phố Hà Nội về mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ, định hướng sắp xếp tổ chức bộ máy “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả”, gắn với thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Trung ương.

1.2. Việc hợp nhất 02 Sở được thực hiện đồng bộ, trên cơ sở rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và xây dựng cơ cấu tổ chức khoa học, hợp lý, bảo đảm tính kế thừa, thông suốt, liên tục, hiệu lực, hiệu quả.

1.3. Gắn việc hợp nhất 02 Sở với việc tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức sau khi hợp nhất, sắp xếp tổ chức được thực hiện theo đúng quy định và bảo đảm quyền lợi tối ưu.

2. Mục tiêu

2.1. Thực hiện hợp nhất Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Sở Tài nguyên và Môi trường thành Sở Nông nghiệp và Môi trường nhằm sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hợp lý, hiệu lực, hiệu quả, đảm bảo yêu cầu hoạt động của Sở quản lý nhà nước đa ngành, đa lĩnh vực gắn với việc hoàn thiện, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; phát huy đầy đủ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị sau hợp nhất; bảo đảm sự quản lý thông suốt từ Thành phố đến địa phương và phù hợp với yêu tố đặc thù của Thủ đô; không làm ảnh hưởng đến thực hiện nhiệm vụ chính trị theo chức năng, nhiệm vụ của Sở; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Sở sau hợp nhất, đặc

biệt các nhiệm vụ liên quan đến phục vụ người dân và doanh nghiệp; hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra; chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức thành công Đại hội nhiệm kỳ 2025-2030.

2.2. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức sau sắp xếp có số lượng, cơ cấu hợp lý, có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch, phục vụ Nhân dân.

3. Nguyên tắc

3.1. Nguyên tắc chung

(1) Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy trong sắp xếp tổ chức bộ máy và bố trí cán bộ theo đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Cán bộ, công chức, viên chức người lao động phải chấp hành nghiêm sự phân công của tổ chức và quyết định của cấp có thẩm quyền. Người đứng đầu các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm trong việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm mục tiêu đề ra theo yêu cầu của Thành phố.

(2) Bám sát nội dung định hướng của Trung ương, Thành ủy, UBND Thành phố về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy để thực hiện việc hợp nhất; thực hiện nguyên tắc một đơn vị thực hiện nhiều việc; một việc chỉ giao cho một đơn vị chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính; đồng thời sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức bên trong, sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo tinh gọn.

(3) Gắn việc bố trí, sắp xếp nhân sự với tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; tiến hành rà soát, đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên cơ sở yêu cầu của vị trí việc làm để thực hiện việc bố trí, sắp xếp nhân sự, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ.

(4) Quan tâm, thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định của Chính phủ và quy định của Thành phố, bảo đảm sau 05 năm phải hoàn thành việc sắp xếp đối với cán bộ, công chức, viên chức dôi dư và thực hiện việc quản lý, sử dụng biên chế theo yêu cầu chung của Thành phố tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mới hình thành sau sắp xếp (kể từ ngày cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án).

(5) Kịp thời rà soát hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tổ chức bộ máy của Sở sau hợp nhất để đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế.

3.2. Nguyên tắc cụ thể

- Về tên gọi đơn vị mới: Thực hiện theo định hướng tên gọi các Bộ ngành của Trung ương tương ứng; tên gọi các phòng ngăn gọn, phản ánh được nội hàm chính về chức năng, nhiệm vụ.

- Về chức năng, nhiệm vụ: Trước mắt tiếp nhận nguyên trạng chức năng, nhiệm vụ của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Sở Tài nguyên và Môi trường trước hợp nhất. Đồng thời tiếp nhận nhiệm vụ về giảm nghèo từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; nhiệm vụ xúc tiến nông nghiệp từ Trung tâm Xúc tiến đầu tư thương mại du lịch Hà Nội. Thực hiện quy định lại chức năng, nhiệm vụ sau khi Trung ương ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ của Sở mới.

- Về cơ cấu tổ chức:

+ Hợp nhất, sáp nhập các phòng trùng lặp chức năng, nhiệm vụ (Văn phòng, Thanh tra, Kế hoạch - Tài chính).

+ Đối với các phòng chuyên môn: Thực hiện rà soát chức năng, nhiệm vụ trên cơ sở tiếp nhận nguyên trạng để sắp xếp theo nguyên tắc không bỏ sót, không trùng lặp, giao thoa chức năng, nhiệm vụ; thực hiện phòng quản lý đa nhiệm vụ, đa lĩnh vực và đảm bảo điều kiện, tiêu chí thành lập phòng theo quy định. Phấn đấu giảm khoảng 15% đầu mối tổ chức bên trong sau sắp xếp. Tên gọi của phòng sau sắp xếp ngắn gọn và bao quát được chức năng, nhiệm vụ chính của phòng.

+ Đối với đơn vị sự nghiệp: Tiếp nhận nguyên trạng các đơn vị sự nghiệp theo nhiệm vụ quản lý nhà nước có liên quan.

- Về biên chế:

Tạm thời giữ nguyên số biên chế công chức, viên chức đã giao của các cơ quan, đơn vị năm 2025. Sau khi kiện toàn, sắp xếp xong; các cơ quan, đơn vị xây dựng đề án vị trí việc làm, xác định rõ biên chế chính thức cần có và phương án tinh giản biên chế theo quy định của Trung ương. Thực hiện rà soát, giảm biên chế đối với các bộ phận dùng chung sau khi sáp nhập, hợp nhất theo lộ trình.

- Về nhân sự, tài chính, cơ sở vật chất: Tiếp nhận nguyên trạng của các đơn vị trước hợp nhất. Đối với chức danh lãnh đạo phòng, sau khi có quyết định thành lập đơn vị mới, tập thể lãnh đạo sở mới xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

III. THỰC TRẠNG CƠ CẤU, TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA 02 SỞ TRƯỚC SẮP XẾP

II.1. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1. Về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

1.1. Về chức năng

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về: nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phòng, chống thiên tai; phát triển nông thôn; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây viết tắt là Sở) có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, chịu sự chỉ đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.2. Về nhiệm vụ và quyền hạn

Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hiện đang thực hiện theo Điều 2 Thông tư số 30/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện) và Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND Thành phố.

(chi tiết tại Quyết định gửi kèm)

2. Về cơ cấu, tổ chức bộ máy

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bao gồm:

2.1. Lãnh đạo Sở:

Lãnh đạo Sở gồm: Giám đốc và 04 Phó Giám đốc

2.2. Các phòng và tương đương thuộc Sở: 06 phòng, gồm:

- (1) Văn phòng;
- (2) Thanh tra;
- (3) Phòng Tổ chức cán bộ;
- (4) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- (5) Phòng Quản lý xây dựng công trình;
- (6) Phòng Kỹ thuật và chính sách nông nghiệp.

2.3. Các Chi cục và tổ chức tương đương thuộc Sở: 06 đơn vị, gồm:

- (1) Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai Hà Nội;
- (2) Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Hà Nội;
- (3) Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội;
- (4) Chi cục Kiểm lâm Hà Nội;
- (5) Chi cục Phát triển nông thôn Hà Nội;
- (6) Chi cục Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường Hà Nội.

2.4. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở: 07 đơn vị

- (1) Trung tâm Khuyến nông Hà Nội;
- (2) Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp và Xây dựng Nông thôn mới Hà Nội;
- (3) Trung tâm Phân tích và Chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp Hà Nội;
- (4) Trung tâm Phát triển nông nghiệp Hà Nội;
- (5) Trung tâm Cứu hộ động vật hoang dã Hà Nội;
- (6) Ban Quản lý rừng phòng hộ - đặc dụng Hà Nội;
- (7) Ban Quản lý và Duy tu các công trình nông nghiệp, nông thôn Hà Nội.

3. Về biên chế

3.1. Biên chế và chỉ tiêu lao động hợp đồng được giao năm 2025:

- Biên chế công chức: 539 chỉ tiêu.
- Biên chế viên chức hưởng lương ngân sách nhà nước: 662 chỉ tiêu.
- Biên chế viên chức hưởng lương nguồn thu sự nghiệp: 222 chỉ tiêu
- Lao động hợp đồng:
- + HĐLĐ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP: 286 chỉ tiêu (Khởi hành chính: 186 chỉ tiêu; Khởi sự nghiệp: 100 chỉ tiêu).
- + HĐLĐ theo Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND của HĐND Thành phố): 10 chỉ tiêu.

3.2. Số có mặt gồm:

- Số công chức: 502 người.

- Số viên chức: 740 người (Viên chức hưởng lương NSNN: 569 người; Viên chức hưởng lương nguồn thu sự nghiệp: 171 người).

- Số HĐLĐ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP: 275 người (khởi hành chính: 184 người; Khởi sự nghiệp 91 người).

4. Về tài chính

Kinh phí được giao năm 2025 tại Quyết định 6399 và các quyết định giao bổ sung trong năm đến thời điểm 05/02/2025 là : 2.552.975 triệu đồng, trong đó:

- Quản lý nhà nước: 290.638 triệu đồng
- Sự nghiệp kinh tế: 2.068.734 triệu đồng
- Sự nghiệp giáo dục, đào tạo: 4.000 triệu đồng
- Sự nghiệp khoa học công nghệ: 16.022 triệu đồng
- Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia: 14.810 triệu đồng.
- Vốn đầu tư công ngân sách Thành phố: 158.771 triệu đồng.

5. Về trụ sở

5.1. Trụ sở của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội: Số 38, Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội.

5.2. Các đơn vị thuộc Sở có trụ sở riêng.

- Trụ sở Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y: Trụ sở chính: số 114, đường Lê Trọng Tấn, phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội; Cơ sở 2: xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

- Trụ sở Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: Tổ 44, Phường Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội.

- Trụ sở Chi cục Phát triển nông thôn: Số 73 Lê Hồng Phong, Hà Đông, Hà Nội.

- Trụ sở Chi cục Kiểm lâm: Phố Ba La, Hà Đông, Hà Nội.

- Trụ sở Chi cục Thủy lợi, Phòng, chống thiên tai: Số 1, Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, Hà Nội.

- Trụ sở Chi cục Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường: Số 143, Hồ Đắc Di, quận Đống Đa, Hà Nội.

- Trụ sở Trung tâm Khuyến nông: Phố Xóm, Phường Phú Lãm, quận Hà Đông, Hà Nội.

- Trụ sở Trung tâm Phát triển nông nghiệp: Trụ sở chính tại Phường Phú Lãm, quận Hà Đông, Hà Nội; Cơ sở 2: Số 102, Tô Hiệu, quận Hà Đông, Hà Nội.

- Trụ sở Trung tâm Cứu hộ động vật hoang dã: Thôn Tiên Dược, xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

- Trụ sở Ban Quản lý rừng Phòng hộ- Đặc dụng: Xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

- Trụ sở Ban Quản lý và Duy tu các công trình nông nghiệp, nông thôn: Địa chỉ: Trụ sở chính: 174, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội; Cơ sở 2: xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng, Hà Nội; Cơ sở 3: Số 1 Tô Hiệu, quận Hà Đông, Hà Nội.

II.2. SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1. Về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

1.1. Về chức năng

- Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Sở) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quản lý nhà nước về: đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; chất thải rắn; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ và các dịch vụ công về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

- Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Về nhiệm vụ và quyền hạn

Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội hiện đang thực hiện theo Điều 2 Thông tư số 05/2021/TT-BTNMT ngày 29/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 04/02/2024 của UBND Thành phố.

(chi tiết tại Quyết định gửi kèm)

2. Về cơ cấu, tổ chức bộ máy

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội bao gồm:

2.1. Lãnh đạo Sở:

Lãnh đạo Sở gồm: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc

2.2. Các phòng và tương đương thuộc Sở: 13 phòng, gồm:

- (1) Văn phòng;
- (2) Thanh tra;
- (3) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- (4) Phòng Đo đạc, Bản đồ và Viễn thám;
- (5) Phòng Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu;
- (6) Phòng Khoáng sản;
- (7) Phòng Tài nguyên nước;
- (8) Phòng Quy hoạch - Kế hoạch sử dụng đất;
- (9) Phòng Đăng ký thống kê đất đai;
- (10) Phòng Kinh tế đất;
- (11) Phòng Quản lý chất thải rắn;
- (12) Phòng Quản lý môi trường;

(13) Phòng Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

2.3. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở: 05 đơn vị

- (1) Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên môi trường Hà Nội;
- (2) Trung tâm Phát triển quỹ đất Hà Nội;
- (3) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội;
- (4) Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;
- (5) Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

3. Về biên chế

3.1. Biên chế và chỉ tiêu lao động hợp đồng được giao năm 2025:

- Biên chế công chức: 170 chỉ tiêu.
- Biên chế viên chức hưởng lương ngân sách nhà nước: 91 chỉ tiêu.
- Biên chế viên chức hưởng lương nguồn thu sự nghiệp: 539 chỉ tiêu.
- Lao động hợp đồng:
 - + HĐLĐ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP: 55 chỉ tiêu (khởi hành chính: 14 chỉ tiêu; khởi sự nghiệp: 41 chỉ tiêu).
 - + HĐLĐ theo Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND của HĐND Thành phố: 05 chỉ tiêu.

3.2. Số có mặt gồm:

- Số công chức: 156 người.
- Số viên chức: 542 người (Viên chức hưởng lương NSNN: 90 người; Viên chức hưởng lương nguồn thu sự nghiệp: 452 người).
- Số HĐLĐ theo Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND của HĐND Thành phố: 0 người.
- Số HĐLĐ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP làm hỗ trợ, phục vụ: 25 người (khởi hành chính: 08 người; khởi sự nghiệp: 17 người).
- Số HĐLĐ do cơ quan, đơn vị ký: 472 người (Văn phòng Sở: 12 người (làm tạp vụ, bảo vệ, lái xe, bếp ăn); Khởi sự nghiệp: 460 người (Văn phòng Đăng ký đất đai: 422 người, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường: 21 người, Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường: 05 người, Trung tâm Phát triển quỹ đất: 06 người, Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên môi trường: 06 người).

4. Về tài chính

Ngân sách Nhà nước giao năm 2025 theo Quyết định số 6399/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND Thành phố. Trong đó:

- Chi quản lý nhà nước: 60.900 triệu đồng (kinh phí thực hiện chế độ tự chủ: 34.217 triệu đồng; kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: 26.683 triệu đồng).
- Chi sự nghiệp kinh tế: 18.644 triệu đồng (kinh phí nhiệm vụ thường xuyên: 0 triệu đồng; kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên: 18.644 triệu đồng).
- Chi sự nghiệp môi trường: 1.296.118 triệu đồng (kinh phí nhiệm vụ thường xuyên: 0 triệu đồng; kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên: 1.296.118 triệu đồng).
- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 1.732 triệu đồng (kinh phí nhiệm vụ thường xuyên: 0 triệu đồng; kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên: 1.732 triệu đồng).

5. Về trụ sở

5.1. Trụ sở của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

(1) Trụ sở chính: Số 18, phố Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội;

(2) Số 46, phố Lưu Quang Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

5.2. Các đơn vị thuộc Sở.

5.2.1. Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội:

(1) Trụ sở chính: Tòa nhà 12 tầng số 1 Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; Kho lưu trữ: Số 105 phố Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, Hà Nội.

(2) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Ba Vì:

Địa chỉ: Số 246 đường Quảng Oai, thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, Hà Nội.

(3) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh khu vực Ba Đình - Hoàn Kiếm - Đống Đa:

Địa chỉ: Số 10 Đặng Dung, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, Hà Nội.

(4) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh quận Bắc Từ Liêm:

Địa chỉ: Công số 4, UBND quận Bắc Từ Liêm, Lô C, Khu liên cơ quan, TDP Phúc Lý 4, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

(5) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh quận Cầu Giấy:

Địa chỉ: Số 85 phố Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

(6) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Chương Mỹ:

Địa chỉ: Khu nhà 3 tầng, Số 102 Bắc Sơn, thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

(7) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Đan Phượng:

Địa chỉ: Số 105 Tây Sơn, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Hà Nội.

(8) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Đông Anh

Địa chỉ: UBND huyện Đông Anh, đường Cao Lỗ, thị trấn Đông Anh, Hà Nội.

(9) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Gia Lâm

Địa chỉ: Số 3 phố Thuận An, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

(10) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh quận Hà Đông

Địa chỉ: Lô N01, Khu Trung tâm hành chính mới, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, Hà Nội.

(11) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh quận Hai Bà Trưng

Địa chỉ: Số 38 phố Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

(12) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh quận Hoàng Mai

Địa chỉ: Phố Bùi Huy Bích, quận Hoàng Mai, Hà Nội (khu liên cơ UBND).

(13) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Hoài Đức

Địa chỉ: Khu 5, thị trấn Trạm Trôi, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

(14) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh quận Long Biên

Địa chỉ: Số 3 Vạn Hạnh, Khu đô thị Việt Hưng, quận Long Biên, Hà Nội (tòa nhà liên cơ UBND).

(15) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Mê Linh

Địa chỉ: Khu Trung tâm hành chính huyện Đông Anh, thôn Nội Đồng, xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh, Hà Nội.

(16) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Mỹ Đức

Địa chỉ: Số 4 phố Đại Đồng, thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, Hà Nội.

(17) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh quận Nam Từ Liêm

Địa chỉ: Số 6 đường Liên cơ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

(18) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Phú Xuyên

Địa chỉ: TK Thao Chính, thị trấn Phú Xuyên, huyện Phú Xuyên, Hà Nội (nằm trong trụ sở UBND huyện Phú Xuyên).

(19) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Phúc Thọ

Địa chỉ: Đường Lạc Trị, thị trấn Phúc Thọ, Hà Nội (nằm trong UBND huyện Phúc Thọ).

(20) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Quốc Oai

Địa chỉ: Số nhà 38, đường Công Huyện, thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, Hà Nội.

(21) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Sóc Sơn

Địa chỉ: UBND huyện Sóc Sơn, thị trấn Sóc Sơn, Hà Nội.

(22) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh thị xã Sơn Tây

Địa chỉ: Số 11, phố Phó Đức Chính, phường Ngô Quyền, thị xã Sơn Tây, Hà Nội.

(23) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh quận Tây Hồ

Địa chỉ: Số 657 đường Lạc Long Quân, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội.

(24) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Thạch Thất

Địa chỉ: Số 196 đường 419, thị trấn Liên Quan, huyện Thạch Thất, Hà Nội.

(25) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Thanh Trì

Địa chỉ: Số 375 đường Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

(26) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Thanh Oai

Địa chỉ: Số 135, tổ 3, thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, Hà Nội.

(27) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh quận Thanh Xuân

Địa chỉ: UBND quận Thanh Xuân, Số 9 Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

(28) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Thường Tín

Địa chỉ: Số 35 tiểu khu Nguyễn Du, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, Hà Nội.

(29) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Ứng Hòa

Địa chỉ: Phố Lê Lợi, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, Hà Nội.

5.2.2. Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Trụ sở chính: Thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, Hà Nội (sau khi Nhà nước thu hồi một phần diện tích, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố về việc trả lại trụ sở tại huyện Thường Tín và giao Trung tâm được sử dụng tại tầng 9, 10 - Toà nhà số 1 Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội).

Trụ sở làm việc: Tầng 9, 10 - Toà nhà số 1 Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

5.2.3. Trung tâm Phát triển quỹ đất Hà Nội

Trụ sở chính: Tầng 1 - Nhà N2D, Khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Trụ sở làm việc: Tầng 1, 2, 3 - Nhà B10A, Khu đô thị Nam Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

5.2.4. Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên môi trường Hà Nội

Trụ sở chính: Số 18, phố Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội;

Trụ sở làm việc và kho lưu trữ: Tầng 1, tòa nhà N4, số 52 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội;

Kho lưu trữ: Tầng 3, 4, 5 - Số 20 Hoàng Diệu, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội.

5.2.5. Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Trụ sở: Số 36A đường Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Về tên gọi

Tên gọi sau hợp nhất: **Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.**

2. Về vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

2.1. Về vị trí, chức năng

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về: nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phòng, chống thiên tai; phát triển nông thôn; đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.2. Về nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố liên quan đến lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Dự thảo kế hoạch chương trình, đề án, dự án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về nông nghiệp và môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố;

c) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về nông nghiệp và môi trường đối với Sở và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã;

d) Dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở, Chi cục thuộc Sở; dự thảo quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở theo quy định của pháp luật;

đ) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo phân công;

b) Dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở;

c) Dự thảo quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của các tổ chức ngành nông nghiệp và môi trường thành phố Hà Nội đặt tại địa bàn cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp huyện; các nhân viên chuyên môn, kỹ thuật ngành nông nghiệp và môi trường công tác trên địa bàn cấp xã với Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Quản lý, tổ chức giám định, đăng ký, cấp giấy phép, văn bằng chứng chỉ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Về trồng trọt, bảo vệ thực vật:

a) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với địa phương, cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn; kế hoạch phát triển trồng trọt của địa phương; chính sách hỗ trợ sản xuất, buôn bán, sử dụng giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; kế hoạch phòng chống sinh vật gây hại, kiểm dịch thực vật nội địa;

b) Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo thực hiện cơ cấu giống, thời vụ, kỹ thuật canh tác, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp; xây dựng và tổ chức thực hiện vùng không nhiễm sinh vật gây hại trên địa bàn; tổ chức phòng,

chống dịch, thực hiện các biện pháp bảo vệ sản xuất khi xảy ra dịch hại thực vật; thống kê, đánh giá thiệt hại do dịch gây ra; thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định đời sống, khôi phục sản xuất; tổ chức thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động trồng trọt trên địa bàn thành phố Hà Nội và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt; xây dựng cơ sở dữ liệu về bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

c) Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện hoạt động trồng trọt; phát triển vùng sản xuất cây trồng, sản xuất nông sản thực phẩm an toàn trên địa bàn thành phố Hà Nội; tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng, bảo vệ và cải tạo nâng cao độ phì đất nông nghiệp, chống xói mòn và sạt lở đất; thực hiện cấp mã số vùng trồng trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác kiểm dịch thực vật nội địa trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định;

đ) Tổ chức thực hiện công tác thu thập, lưu trữ, bảo tồn, khai thác nguồn gen giống cây trồng; quản lý giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư khác phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

e) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư hàng hóa thuộc lĩnh vực trồng trọt trên địa bàn thành phố sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

g) Hướng dẫn và tổ chức xây dựng mô hình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông nghiệp.

6. Về chăn nuôi, thú y:

a) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: chiến lược, kế hoạch phát triển chăn nuôi, quy định mật độ chăn nuôi của địa phương; quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi; chính sách hỗ trợ, sản xuất, buôn bán, sử dụng thuốc thú y; các quy định, chính sách, hướng dẫn về hoạt động giết mổ, kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ sinh thú y; kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật; chương trình giám sát, khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật, xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

b) Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo xây dựng và tổ chức vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, vùng chăn nuôi, sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi, giết mổ động vật tập trung, sơ chế, chế biến các sản phẩm có nguồn gốc động vật gắn với xử lý chất thải và bảo vệ môi trường; thống kê, đánh giá thiệt hại do dịch bệnh động vật gây ra; thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định đời sống, khôi phục chăn nuôi; nuôi trồng thủy sản sau dịch bệnh động vật; xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật số liệu, khai thác, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi; cơ sở dữ liệu về giám sát dịch bệnh động vật và thông tin dự báo, cảnh báo dịch bệnh động vật tại địa phương;

c) Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện hoạt động chăn nuôi, hoạt động thú y trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về động vật, sản phẩm động vật trên địa bàn thành phố Hà Nội; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất

khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam khi được ủy quyền theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức thực hiện công tác thu thập, lưu trữ, bảo tồn, khai thác nguồn gen giống vật nuôi; quản lý giống vật nuôi; quản lý thức ăn chăn nuôi và các vật tư khác thuộc lĩnh vực chăn nuôi và thú y theo quy định của pháp luật;

e) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về thuốc thú y, vật tư, hàng hóa thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y trên địa bàn thành phố Hà Nội sau khi được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt;

g) Thực hiện nhiệm vụ quản lý về kiểm soát giết mổ động vật, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; hành nghề thú y; quản lý thuốc thú y theo quy định của pháp luật;

h) Kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu sau thông quan, thức ăn chăn nuôi sản xuất và lưu hành trong nước trên địa bàn Thành phố; kiểm tra điều kiện, đánh giá giám sát duy trì điều kiện của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi; giám sát việc tiêu hủy đối với thức ăn chăn nuôi vi phạm chất lượng trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật; kiểm tra điều kiện chăn nuôi của cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô vừa, quy mô nhỏ; đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi đối với cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô lớn theo quy định của pháp luật.

7. Về lâm nghiệp:

a) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: chương trình, dự án phát triển lâm nghiệp bền vững tại địa phương; chủ trương chuyển loại rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; phân loại rừng, phân định ranh giới các loại rừng; quyết định giao rừng, cho thuê rừng, chuyển loại rừng; quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng, thuê đất để trồng rừng sản xuất; phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; quyết định khung giá rừng tại địa phương; quyết định thành lập khu rừng đặc dụng, khu rừng phòng hộ tại địa phương; quyết định đóng, mở cửa rừng tự nhiên tại địa phương theo quy định; báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và phát triển rừng ở thành phố Hà Nội; phương án huy động các lực lượng, vật tư, phương tiện, thiết bị của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội để ứng phó khẩn cấp chữa cháy rừng theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về lâm nghiệp; tổ chức thực hiện điều tra rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng; cập nhật cơ sở dữ liệu, hồ sơ quản lý rừng ở địa phương; bảo vệ rừng; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong các loại rừng; phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng; phát triển rừng; sử dụng rừng; khai thác lâm sản; tổ chức sản xuất lâm nghiệp gắn với chế biến và thương mại lâm sản tại địa phương;

c) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về lâm nghiệp, chiến lược phát triển lâm nghiệp, quy hoạch lâm nghiệp; chương trình, kế hoạch, dự án, đề án về lâm nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố;

d) Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của kiểm lâm tại địa phương theo quy định của pháp luật;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra về sản xuất lâm nghiệp, nông nghiệp, thủy sản kết hợp trong rừng theo quy định của pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lâm nghiệp; công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, vườn giống và rừng giống trên địa bàn thành phố Hà Nội; xây dựng phương án, biện pháp, chỉ đạo, kiểm tra về sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp và sử dụng vật tư lâm nghiệp; tổng hợp, cập nhật, công bố công khai danh mục nguồn giống cây trồng lâm nghiệp được công nhận hoặc hủy bỏ công nhận; trồng rừng; nuôi dưỡng rừng; làm giàu rừng; cải tạo rừng tự nhiên và khoanh nuôi tái sinh rừng; chế biến và bảo quản lâm sản; phòng, chống dịch bệnh gây hại rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng;

g) Tổ chức thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng, phòng hộ thuộc địa phương quản lý, thiết kế, dự toán công trình lâm sinh theo quy định của pháp luật;

h) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng tại địa phương; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc trồng rừng, bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; phát triển cây lâm nghiệp phân tán theo quy định;

i) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và chủ rừng trong quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng ở địa phương, phối hợp và huy động lực lượng, phương tiện của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, quản lý lâm sản, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong các loại rừng.

8. Về diêm nghiệp:

Hướng dẫn, kiểm tra việc chế biến, bảo quản muối và các sản phẩm từ muối ở địa phương; thực hiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động, môi trường của các cơ sở chế biến, kinh doanh muối (không bao gồm muối dùng trong lĩnh vực y tế).

9. Về thủy sản:

a) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: kế hoạch bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định; quyết định công nhận và giao quyền quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên; quyết định thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản thành phố Hà Nội;

b) Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo, tổ chức quản lý hoạt động thủy sản trên địa bàn; tổ chức sản xuất khai thác thủy sản; quản lý khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản tổ chức thực hiện điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản theo chuyên đề, nghề cá thương phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quản lý khai thác thủy sản nội địa trên địa bàn thành phố; tổ chức thực hiện hoạt động tái tạo nguồn lợi thủy sản và phục hồi môi trường sống của loài thủy sản; điều tra, xác định bổ sung khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý nguồn lợi thủy sản và hệ sinh thái thủy sinh trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, khu bảo tồn đất ngập nước, nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản; xây dựng cơ sở dữ liệu về thủy sản trên địa bàn thành phố Hà Nội và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản;

c) Thực hiện quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; giám sát hoạt động khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nuôi trồng thủy sản; phòng, chống dịch bệnh thủy sản theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện kiểm soát an toàn thực phẩm tại chợ thủy sản đầu mối trên địa bàn thành phố Hà Nội; quản lý mua, bán, sơ chế, chế biến, bảo quản, xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản, sản phẩm thủy sản trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định.

10. Về thủy lợi:

a) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: quyết định phê duyệt, công bố kết quả điều tra cơ bản thủy lợi, quy trình vận hành công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn thành phố Hà Nội; quyết định giao tổ chức quản lý hoặc phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật; quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận, phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; phê duyệt hoặc phân cấp phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước, công trình thủy lợi khác thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn thành phố Hà Nội; phương án huy động lực lượng, vật tư, phương tiện bảo vệ công trình thủy lợi khi xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố; quy mô thủy lợi nội đồng; kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi do địa phương quản lý;

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tại địa phương tham mưu, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội thông qua các mức giá và phê duyệt giá cụ thể của sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định của pháp luật; hỗ trợ tài chính theo quy định của pháp luật cho hoạt động cung ứng dịch vụ công ích thủy lợi;

c) Chủ trì xây dựng phương án phát triển mạng lưới thủy lợi theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển thủy lợi, các nội dung liên quan đến thủy lợi trong quy hoạch thành phố Hà Nội, quy hoạch thủy lợi và quy hoạch ngành quốc gia theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân Thành phố về phân cấp quản lý các hồ chứa nước, công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội; hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, khai thác, sử dụng và bảo vệ các hồ chứa nước, công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân Thành phố; tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về vệ sinh nông thôn trên địa bàn theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố;

đ) Tiếp nhận và quản lý hồ sơ, giấy phép các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố trên địa bàn; tổ chức thực hiện việc quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thủy lợi theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về quản lý, khai thác và bảo vệ, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi; phối hợp quản lý việc xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội;

g) Hướng dẫn, kiểm tra công tác tưới, tiêu, thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân cư khu vực nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định;

h) Theo dõi, giám sát, quan trắc diễn biến bồi lắng, xói lở công trình thủy lợi; hướng dẫn, quản lý việc tổ chức thực hiện khai thác, sử dụng tổng hợp, tiết kiệm, an toàn, có hiệu quả nguồn nước từ các công trình thủy lợi; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý vận hành, điều tiết nguồn nước của các hệ thống công trình thủy lợi trong thực hiện phòng, chống, khắc phục hậu quả hạn hán, thiếu nước, ngập lụt, úng trên địa bàn thành phố Hà Nội; tổ chức quan trắc, dự báo, cảnh báo về hạn hán, ngập lụt, úng, số lượng, chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội;

i) Chủ trì xây dựng, trình Ủy ban nhân dân Thành phố về cơ chế, chính sách, hướng dẫn thực hiện về phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật.

11. Về phòng, chống thiên tai:

a) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: kế hoạch phòng, chống thiên tai, kế hoạch đầu tư xây dựng công trình phòng, chống thiên tai của địa phương theo phân công; tiêu chuẩn, định mức vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng chống thiên tai; quyết định về tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu, hệ thống quan trắc, theo dõi, giám sát chuyên dùng phòng, chống thiên tai; quyết định phê duyệt, công bố kết quả điều tra cơ bản về phòng, chống thiên tai trên địa bàn thành phố Hà Nội; quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố; quyết định về lực lượng chuyên trách quản lý đê điều, lực lượng quản lý đê nhân dân; chế độ, chính sách đối với lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng tuần tra, canh gác đê; cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều; sử dụng bãi sông, bãi bồi liên quan đến thoát lũ và đê điều; chấp thuận việc xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đê điều;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch đê điều và phương án phòng, chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều trong quy hoạch thành phố Hà Nội, đầu tư xây dựng, tu bổ, nâng cấp và kiên cố hóa, duy tu, bảo dưỡng đê điều, quản lý và bảo đảm an toàn đê điều theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố;

c) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc đánh giá hiện trạng đê điều, xác định trọng điểm xung yếu đê điều; kiểm tra xây dựng, triển khai phương án hộ đê, công tác hộ đê, bảo đảm an toàn đê điều; tổng hợp, quản lý thông tin, dữ liệu về đê điều trong phạm vi của thành phố Hà Nội;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc đầu tư xây dựng, duy tu, bảo dưỡng, vận hành và bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố;

đ) Tuyên truyền, phổ biến nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; khu di tích lịch sử; điểm dân cư nông thôn và công trình;

e) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình đê điều; xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện việc di dời công trình, nhà ở liên quan tới phạm vi bảo vệ công trình đê điều và bãi sông theo quy định.

12. Về phát triển nông thôn:

a) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: cơ chế, chính sách, biện pháp khuyến khích phát triển nông thôn; phát triển kinh tế trang trại nông nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã và liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chương trình phát triển nông thôn; chính sách phát triển cơ điện nông nghiệp; tổ chức sản xuất phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản tập trung; phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản; phát triển ngành nghề nông thôn; bảo tồn và phát triển các ngành nghề truyền thống; phát triển ngành thủ công mỹ nghệ; đào tạo, phổ biến chính sách công trong nông nghiệp; đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn;

b) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định về phân công, phân cấp thẩm định các chương trình, dự án liên quan đến phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông nghiệp, kinh tế hợp tác, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp; liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản và muối; phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản tập trung; phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản; phát triển ngành nghề nông thôn; bảo hiểm nông nghiệp; bảo tồn và phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn; đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo quy định; bố trí dân cư và di dân, tái định cư trong nông thôn; theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về phát triển nông thôn trên địa bàn;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác xóa bỏ cây có chứa chất gây nghiện; định canh; bố trí dân cư và di dân, tái định cư trong nông thôn gắn với tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới;

d) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chương trình, dự án hoặc hợp phần của chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo và an sinh xã hội nông thôn; chương trình hành động mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; bảo hiểm nông nghiệp; xây dựng nông thôn mới; xây dựng khu dân cư; xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố và quy định của pháp luật;

đ) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chế độ, chính sách giảm nghèo; chế độ, chính sách và pháp luật đối với người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có thu nhập thấp (nếu có);

e) Hướng dẫn, kiểm tra các chương trình, dự án xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội theo phân công và quy định của pháp luật chuyên ngành.

13. Về chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, chương trình, cơ chế, chính sách phát triển lĩnh vực chế biến gắn với sản xuất và thị trường các ngành hàng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá tình hình phát triển chế biến, bảo quản đối với các ngành hàng nông sản, lâm sản, thủy sản và muối;

c) Thực hiện công tác thu thập thông tin, phân tích, dự báo tình hình thị trường, chương trình phát triển thị trường, xúc tiến thương mại nông sản, lâm sản, thủy sản và muối thuộc phạm vi quản lý của Sở;

d) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức công tác xúc tiến thương mại đối với sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối.

14. Về chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối:

a) Hướng dẫn, kiểm tra về chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, tổ chức thẩm định, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trong phạm vi được phân công trên địa bàn thành phố Hà Nội;

b) Thống kê, đánh giá, phân loại về điều kiện bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; tổng hợp báo cáo kết quả đánh giá, phân loại các cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp theo quy định;

c) Thực hiện các chương trình giám sát an toàn thực phẩm, đánh giá nguy cơ và truy xuất nguồn gốc, điều tra nguyên nhân gây mất an toàn thực phẩm trong phạm vi được phân công trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định;

d) Kiểm tra, truy xuất, thu hồi, xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành và quy định của pháp luật;

đ) Quản lý hoạt động chứng nhận hợp quy, tiếp nhận tự công bố sản phẩm nông lâm thủy sản và muối thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật;

e) Quản lý hoạt động kiểm nghiệm và chứng nhận; tổ chức cung ứng dịch vụ công về chất lượng, an toàn thực phẩm, đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm nông, lâm, thủy sản và muối theo quy định của pháp luật.

g) Quản lý an toàn thực phẩm đối với khu vực và trung tâm logistics nông sản, chợ đầu mối, chợ đầu giá nông sản trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố.

15. Về đất đai:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng nội dung phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch Thành phố; kế hoạch sử dụng đất Thành phố;

b) Tổ chức thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất do Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt; tổng hợp, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;

c) Chủ trì tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quy định hạn mức giao đất, công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân tự khai phá đất để sản xuất nông nghiệp; hạn mức giao đất trống, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân; diện tích tối thiểu được tách thửa và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về đất đai đối với từng loại đất;

d) Tổ chức thẩm định hồ sơ về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật; tổ chức thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo thẩm quyền; giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện việc trưng dụng đất theo quy định;

đ) Thực hiện việc đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo thẩm quyền và theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, ký hợp đồng thuê đất; lập, quản lý, cập nhật và chỉnh lý hồ sơ địa chính đối với các tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức và cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư theo quy định;

e) Tổ chức thực hiện và hướng dẫn kiểm tra việc điều tra đánh giá tài nguyên đất; điều tra, khảo sát, đo đạc, đánh giá đất đai; lập, chỉnh lý và quản lý bản đồ địa chính; thống kê, kiểm kê, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; xây dựng, vận hành hệ thống theo dõi và đánh giá đối với quản lý, sử dụng đất đai;

g) Chủ trì việc tổ chức xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất trình Ủy ban nhân dân Thành phố quy định; lập bản đồ giá đất;

h) Chủ trì việc tổ chức xác định giá đất cụ thể làm căn cứ để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định;

i) Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương và tích hợp, cập nhật vào cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia;

k) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các trường hợp bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật;

l) Kiểm tra và tổ chức thực hiện việc phát triển quỹ đất; quản lý, khai thác quỹ đất; tổ chức việc đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định;

m) Theo dõi, đánh giá, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai của địa phương theo quy định của pháp luật.

16. Về tài nguyên nước:

a) Lập và tổ chức thực hiện phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra trong quy hoạch Thành phố theo quy định của pháp luật; lập và thực hiện kế hoạch điều hòa, phân bổ tài nguyên nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt; giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;

b) Khoanh định vùng hạn chế, vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất, vùng cần bổ sung nhân tạo, ngưỡng khai thác nước dưới đất theo thẩm quyền; hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc trám lấp giếng không sử dụng theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức xây dựng, quản lý và thực hiện việc quan trắc tài nguyên nước đối với mạng quan trắc tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố; xây dựng, quản lý hệ thống giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của Thành phố;

d) Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước liên quốc gia theo thẩm quyền; lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; bảo đảm nguồn nước phục vụ cung cấp nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước; tổ chức thực hiện các biện

pháp bảo vệ, phòng chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông; tổ chức điều tra, đánh giá quan trắc, giám sát diễn biến dòng chảy, bồi lắng, xói lở lòng, bờ, bãi sông;

đ) Tổ chức tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước và cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước theo thẩm quyền; thẩm định hồ sơ phê duyệt, điều chỉnh, truy thu, hoàn trả tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; hướng dẫn việc đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

e) Tổ chức điều tra cơ bản, giám sát tài nguyên nước theo phân cấp; kiểm kê, thống kê, lưu trữ số liệu tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố; báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước, tình hình quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn Thành phố;

g) Tổ chức điều tra, đánh giá, xác định và trình công bố dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh và các sông suối không thuộc danh mục lưu vực sông liên tỉnh, lưu vực sông nội tỉnh mà có hồ chứa hoặc đã được quy hoạch xây dựng hồ chứa có quy mô khai thác, sử dụng nước thuộc trường hợp phải có giấy phép sử dụng tài nguyên nước;

h) Tổ chức điều tra, đánh giá sức chịu tải của các sông, hồ là nguồn nước nội tỉnh; công bố nguồn nước không còn sức chịu tải; lập danh mục nguồn nước nội tỉnh; danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp theo quy định;

i) Tổng hợp tình hình khai thác, sử dụng nước, các nguồn thải vào nguồn nước trên địa bàn Thành phố; lập danh mục các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt;

k) Tổ chức lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; xác nhận về thời gian công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải ngừng khai thác theo thẩm quyền;

l) Giải quyết các vấn đề phát sinh trong việc phối hợp thực hiện của các cơ quan tham gia điều phối, giám sát đối với lưu vực sông nội tỉnh trên địa bàn Thành phố.

17. Về tài nguyên khoáng sản:

a) Khoanh định các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; xác định các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân Thành phố; đề xuất với Ủy ban nhân dân Thành phố các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; lập kế hoạch và tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân Thành phố sau khi được phê duyệt;

b) Lập phương án thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản của địa phương theo quy định; kịp thời phát hiện và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Tài nguyên và Môi trường khi phát hiện có thông tin khoáng sản mới; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân Thành phố;

c) Tổ chức tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, thu hồi, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản; hồ sơ chuyển nhượng quyền thăm dò, quyền khai thác khoáng sản; hồ sơ trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản; đề án đóng cửa mỏ; hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản;

d) Tổ chức tiếp nhận, tính, thẩm định, trình phê duyệt hồ sơ đầu giá quyền khai thác khoáng sản, hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, hồ sơ xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với các mỏ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân Thành phố;

đ) Tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết việc khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản đối với các khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt và định kỳ báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

18. Về môi trường:

a) Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức thực hiện hoạt động đăng ký, công nhận, cấp, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận về đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo sự phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố; thẩm định hồ sơ cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng, cho, thuê mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ; thẩm định hồ sơ cấp giấy phép nuôi trồng loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

c) Tổ chức quản lý, kiểm soát nguồn thải, nguồn ô nhiễm từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn theo quy định của pháp luật, gồm: hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường; tiếp nhận, xử lý số liệu quan trắc tự động liên tục đối với nguồn thải, nguồn ô nhiễm; kiểm tra, giám sát hoạt động quan trắc định kỳ đối với nguồn thải, nguồn ô nhiễm; theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn quản lý theo quy định;

d) Tổ chức thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố; hướng dẫn, kiểm tra hoạt động thu hồi, xử lý các sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc thải bỏ đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; tham gia, hướng dẫn, kiểm tra việc nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất và các hoạt động quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức điều tra, đánh giá, xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án, dự án xử lý ô nhiễm, cải tạo và phục hồi chất lượng môi trường theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố; tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức xây dựng phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học lồng ghép vào quy hoạch Thành phố; tổ chức điều tra, đánh giá, lập danh mục, dự án thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, cảnh quan sinh thái quan trọng, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; tổ chức biện pháp bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, bảo

tồn nguồn gen các loài bản địa, loài có giá trị tại địa phương; quản lý, giám sát hoạt động tiếp cận nguồn gen và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen theo quy định của pháp luật; kiểm soát các loài sinh vật ngoại lai xâm hại, sinh vật biến đổi gen và sản phẩm, hàng hóa có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen; tổ chức kiểm kê, quan trắc, lập báo cáo đa dạng sinh học, xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học; tổ chức thực hiện việc chi trả dịch vụ môi trường liên quan đến đa dạng sinh học của Thành phố; lập hồ sơ đề cử công nhận và thực hiện chế độ quản lý các danh hiệu quốc tế về bảo tồn (khu Ramsar, vườn di sản của ASEAN, khu Dự trữ sinh quyển thế giới);

g) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cải tạo phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định của pháp luật;

h) Tổ chức xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc môi trường, thực hiện quan trắc môi trường, thông tin về chất lượng môi trường, cảnh báo về ô nhiễm môi trường trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

i) Tổ chức xây dựng, quản lý dữ liệu, thông tin và xây dựng báo cáo về môi trường theo quy định của pháp luật; tham mưu tổ chức thực hiện các chỉ tiêu thống kê môi trường trong các chiến lược, quy hoạch, đề án, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của pháp luật;

k) Tổ chức xác định thiệt hại đối với môi trường; yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

l) Tổng hợp nhu cầu kinh phí sử dụng nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường hàng năm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, gửi Sở Tài chính để cân đối trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường sau khi được phê duyệt theo quy định của pháp luật;

m) Tổ chức thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật;

n) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc giải quyết các vấn đề môi trường liên ngành, liên huyện trên địa bàn Thành phố và công tác khai thác bền vững tài nguyên thiên nhiên theo quy định của pháp luật.

19. Về khí tượng thủy văn:

a) Chủ trì thẩm định các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình khí tượng, thủy văn chuyên dùng;

b) Thẩm định tiêu chuẩn kỹ thuật của công trình, thiết bị đo của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng, thiết bị quan trắc, định vị sét do địa phương xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị ở trung ương và địa phương trong việc bảo vệ, giải quyết các vi phạm hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn của trung ương trên địa bàn Thành phố;

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan lập kế hoạch phát triển mạng lưới trạm quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong phát triển kinh tế - xã hội và phòng, chống thiên tai trên địa bàn Thành phố;

đ) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện tiếp nhận và truyền, phát tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trên địa bàn Thành phố, phạm vi quản lý;

e) Thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ, chấm dứt hiệu lực, thu hồi, cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân Thành phố;

g) Tổ chức xây dựng, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại các vị trí thuộc địa bàn quản lý;

h) Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định về cung cấp thông tin khí tượng thủy văn liên quan đến vận hành của chủ các công trình hồ chứa trong thời gian có lũ theo quy định của pháp luật;

i) Theo dõi, đánh giá việc khai thác, sử dụng tin dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai trên địa bàn; thẩm định, thẩm tra, đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong các công trình, chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội;

k) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, đôn đốc theo thẩm quyền các hoạt động quan trắc, dự báo, cảnh báo và thực hiện các biện pháp phát triển hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn Thành phố.

20. Về biến đổi khí hậu:

a) Xây dựng, cập nhật và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu của Thành phố;

b) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý;

c) Thực hiện việc lồng ghép nội dung biến đổi khí hậu trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

d) Tổ chức triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; xây dựng các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

đ) Tổ chức theo dõi, giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn Thành phố thuộc thẩm quyền quản lý;

e) Quản lý hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon; kiểm soát hoạt động sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, tiêu thụ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính tại địa phương theo quy định của pháp luật và theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

g) Tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, dữ liệu phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia và cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia;

h) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hằng năm lập báo cáo về ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn Thành phố gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường phục vụ xây dựng báo cáo quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;

i) Tham gia thực hiện các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố.

21. Về đo đạc và bản đồ:

- a) Thẩm định nội dung đo đạc và bản đồ trong các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước do các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp của Thành phố thực hiện;
- b) Tổ chức thực hiện việc đầu tư, xây dựng, vận hành, quản lý, bảo trì, bảo vệ, di dời, hủy bỏ các công trình hạ tầng đo đạc thuộc phạm vi quản lý;
- c) Tổ chức xây dựng, quản lý, cập nhật hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia và cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý;
- d) Quản lý chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ; quản lý việc lưu trữ, bảo mật, cung cấp, trao đổi, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý;
- đ) Thẩm định hồ sơ và đề nghị Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp, cấp bổ sung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật;
- e) Tổ chức sát hạch, cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi, thu hồi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II; lưu trữ hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ, đăng tải thông tin của cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật;
- g) Theo dõi việc xuất bản, phát hành bản đồ trên địa bàn Thành phố và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ phát hành, thu hồi các xuất bản phẩm bản đồ có nội dung và hành vi bị cấm trong hoạt động xuất bản, các xuất bản phẩm bản đồ, sản phẩm bản đồ có sai sót về kỹ thuật theo quy định;
- h) Theo dõi tình hình thi hành pháp luật về đo đạc và bản đồ trên địa bàn Thành phố; xây dựng báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố hàng năm, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

22. Về viễn thám:

- a) Tổ chức triển khai thực hiện các đề án, dự án về ứng dụng viễn thám thám trong điều tra cơ bản, quan trắc, giám sát tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trong phạm vi quản lý;
- b) Xác định nhu cầu sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám của địa phương, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp và thống nhất việc thu nhận; thực hiện thu nhận, lưu trữ, xử lý dữ liệu ảnh viễn thám; xây dựng, cập nhật, công bố siêu dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý của địa phương; gửi bản sao dữ liệu và siêu dữ liệu ảnh viễn thám mua từ nước ngoài bằng nguồn ngân sách nhà nước cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia theo quy định pháp luật;
- c) Thẩm định, quản lý chất lượng sản phẩm viễn thám theo quy định của pháp luật;
- d) Thực hiện các hoạt động bảo đảm hành lang an toàn kỹ thuật và bảo vệ các công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám trên địa bàn theo quy định pháp luật.

23. Về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số nông nghiệp và môi trường:

- a) Tổ chức thu nhận, xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường Thành phố; tích hợp, kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên và môi trường;

b) Xây dựng, quản trị, vận hành hạ tầng số, hạ tầng mạng, nền tảng số, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành nông nghiệp và môi trường thuộc phạm vi quản lý; thực hiện bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu, an toàn máy tính và an toàn mạng theo quy định;

c) Tổ chức phân tích, xử lý dữ liệu, thông tin tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý phục vụ công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, xây dựng đô thị thông minh, phát triển kinh tế - xã hội;

d) Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý; kết nối với Cổng dịch vụ công Bộ nông nghiệp và môi trường, Cổng dịch vụ công quốc gia;

đ) Quản lý, bảo quản tài liệu, tư liệu; cung cấp thông tin, dữ liệu về nông nghiệp và môi trường thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

24. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện quản lý nhà nước đối với các hoạt động khuyến nông, hoạt động Quỹ khuyến nông trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật.

25. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện quản lý nhà nước về nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp, nông nghiệp kết hợp dịch vụ, tăng trưởng xanh, kinh tế chia sẻ trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật.

26. Xây dựng và hướng dẫn thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và hoạt động phát triển nông thôn tại địa phương; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản theo quy định của pháp luật.

27. Xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về nông nghiệp và môi trường; tổ chức công tác thống kê diễn biến đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, diễn biến rừng, mặt nước nuôi trồng thủy sản và các hoạt động thông tin, lưu trữ, thống kê khác phục vụ yêu cầu quản lý của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định.

28. Thực hiện nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng chuyên ngành theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các dự án và xây dựng mô hình phát triển về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, dê điều, phòng, chống thiên tai, phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

29. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ về nông nghiệp và môi trường đối với công chức Phòng Nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, công chức chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định pháp luật.

30. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; chức danh chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý, phối hợp công tác, chế độ thông tin báo cáo của tổ chức nông nghiệp và môi trường đặt trên địa bàn cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp

huyện; các nhân viên chuyên môn, kỹ thuật ngành nông nghiệp và môi trường công tác trên địa bàn cấp xã với Ủy ban nhân dân cấp xã.

31. Thực hiện hợp tác quốc tế về nông nghiệp và môi trường theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

32. Hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật; quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

33. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất của ngành nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội; trình Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật.

34. Thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý vi phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật hoặc phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

35. Thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực về công tác phòng, chống thiên tai; bảo vệ và phát triển rừng; xây dựng nông thôn mới; vệ sinh môi trường nông thôn; quản lý buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm; thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, bảo tồn động vật hoang dã; phòng, chống dịch bệnh trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn thành phố Hà Nội; Thực hiện đánh giá sự phù hợp về chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản, muối và vật tư khác ngành nông nghiệp và môi trường.

36. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật.

37. Triển khai thực hiện chương trình cải cách hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định.

38. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các phòng chuyên môn, Văn phòng, Thanh tra thuộc Sở; quản lý về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức trong các tổ chức hành chính thuộc Sở; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở; thực hiện bổ nhiệm, chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

39. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài sản, tài chính được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

40. Thực hiện công tác thông tin, thống kê, tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ trong các lĩnh vực công tác được giao với Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

41. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và cơ quan nhà nước cấp trên.

3. Về cơ cấu, tổ chức bộ máy

3.1. Lãnh đạo Sở:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội có Giám đốc và các Phó Giám đốc;

- Giám đốc Sở là người đứng đầu sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của sở theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố;

- Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở, giúp Giám đốc Sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc sở vắng mặt, một Phó Giám đốc sở được Giám đốc sở ủy quyền thay Giám đốc sở điều hành các hoạt động của sở. Phó Giám đốc sở không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

- Việc bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định theo quy định của Đảng và Nhà nước;

- Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố, theo tiêu chuẩn chức danh do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

3.2. Các phòng chuyên môn: 13 phòng, gồm:

a) Văn phòng Sở

- Lý do: Hợp nhất Văn phòng của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Văn phòng của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính tham mưu về:

(1) Hành chính, quản trị; đối nội, đối ngoại; văn thư, lưu trữ; một cửa, tài chính, kế toán cơ quan Văn phòng Sở.

(2) Bảo vệ bí mật nhà nước.

(3) An ninh trật tự; phòng cháy chữa cháy; dân quân tự vệ.

(4) Pháp chế, ISO, thông tin tuyên truyền.

(5) Tổng hợp.

(6) Công nghệ thông tin, công thông tin điện tử của Sở.

b) Thanh tra Sở

- Lý do: Hợp nhất Thanh tra của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Thanh tra của Sở Tài nguyên và Môi trường. Đồng thời, kiện toàn bộ sung biên chế phù hợp, đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, xử lý, xử phạt vi phạm về môi trường.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính tham mưu về:

(1) Thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường được giao.

(2) Thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

c) Phòng Tổ chức cán bộ

- Lý do: Đã có phòng Tổ chức cán bộ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội, sau khi hợp nhất 02 Sở, có nhiều đầu mối trực thuộc, quy mô quản lý số lượng lớn biên chế công chức 660 biên chế và 1419 biên chế viên chức; Phòng cũng trực tiếp tham mưu cho Đảng ủy cơ quan Sở về công tác đảng trong đó với trên 70 chi bộ, đảng bộ bộ phận với tổng số khoảng trên 1200 đảng viên (sau sáp nhập).

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính tham mưu về:

(1) Tổ chức bộ máy, công tác cán bộ; biên chế, tiền lương, vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, chế độ chính sách đối với công chức, viên chức, người lao động theo thẩm quyền, công tác đảng.

(2) Quản lý nhà nước về Hội, công tác quản lý nhà nước về thanh niên.

(3) Công tác đào tạo, bồi dưỡng, bảo vệ chính trị nội bộ, an ninh quốc phòng.

(4) Công tác cải cách hành chính.

(5) Công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật.

d) Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Lý do: Hợp nhất 02 phòng Kế hoạch - Tài chính của 02 Sở. Đồng thời sáp nhập phòng Quản lý xây dựng công trình thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vào phòng Kế hoạch - Tài chính.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính tham mưu về:

(1) Công tác kế hoạch, tài chính, kế toán, tài sản công của ngành nông nghiệp và môi trường.

(2) Công tác thẩm định đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt của Giám đốc Sở.

(3) Công tác quản lý thực hiện các lĩnh vực quản lý xây dựng công trình đối với ngành nông nghiệp và môi trường.

đ) Phòng Chính sách nông nghiệp và môi trường

- Lý do: Đổi tên phòng Kỹ thuật và chính sách nông nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn thành Phòng chính sách nông nghiệp và môi trường để đảm bảo xây dựng định mức kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính tham mưu về:

(1) Xây dựng và áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật, chính sách trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, công tác pháp chế.

(2) Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất của ngành nông nghiệp và môi trường.

(3) Quản lý bảo tồn quỹ gen, giống gốc về cây trồng, vật nuôi, thủy sản.

e) Phòng Chất lượng và phát triển thị trường

- Lý do: Giải thể Chi cục Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường Hà Nội để thành lập phòng.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính tham mưu về:

(1) Công tác quản lý về chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối.

(2) Công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối.

g) Phòng Phát triển nông thôn

- Lý do: Giải thể Chi cục phát triển nông thôn để thành lập phòng.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính tham mưu về:

(1) Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế trang trại, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

(2) Bảo hiểm nông nghiệp.

(3) Phát triển nông thôn, phát triển ngành nghề, làng nghề và xây dựng nông thôn mới.

(4) Bố trí dân cư, thực hiện công tác giảm nghèo và an sinh xã hội nông thôn.

(5) Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

h) Phòng Quy hoạch - Kế hoạch sử dụng đất

- Lý do: Giữ nguyên do khối lượng công việc lớn.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính tham mưu về:

(1) Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thành phố Hà Nội.

(2) Tổ chức thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện để báo cáo Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

(3) Công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

(4) Công tác đấu giá quyền sử dụng đất.

(5) Điều tra đánh giá tài nguyên đất.

(6) Tổng hợp báo cáo ngành và các nội dung khác được giao.

i) Phòng Kinh tế đất

- Lý do: Giữ nguyên do khối lượng công việc lớn

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính tham mưu về:

(1) Xây dựng chính sách về giá đất.

(2) Thực hiện công tác xây dựng bảng giá đất và xác định giá đất.

k) Phòng Thống kê đất đai và đo đạc, bản đồ

- Lý do: Hợp nhất phòng Đăng ký thống kê đất đai và Phòng Đo đạc, Bản đồ và viễn thám thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính tham mưu về:

(1) Phân loại đất.

(2) Kiểm kê và thống kê đất đai.

(3) Chuyển mục đích sử dụng đất.

(4) Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu, sử dụng tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

(5) Về đo đạc, bản đồ và viễn thám.

l) Phòng Quản lý môi trường

- Lý do: Sáp nhập Phòng Kiểm soát ô nhiễm môi trường và Phòng khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu vào Phòng Quản lý môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính tham mưu về:

- (1) Về môi trường không khí.
- (2) Về kiểm soát ô nhiễm môi trường.
- (3) Về đa dạng sinh học.
- (4) Về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu.

m) Phòng Quản lý chất thải rắn

- Lý do: Giữ nguyên do khối lượng công việc lớn.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính tham mưu về:

(1) Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, thẩm định, cấp, cấp đổi, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường, đối với các dự án đầu tư, cơ sở xử lý chất thải rắn.

(2) Kiểm tra, giám sát trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đối với dự án đầu tư xử lý chất thải rắn.

(3) Theo dõi, kiểm tra việc quản lý, vận hành, duy trì các khu, nhà máy xử lý chất thải rắn, bãi chôn lấp chất thải rắn, trạm trung chuyển chất thải rắn.

(4) Tổ chức, xây dựng chương trình quan trắc, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, vùng ảnh hưởng môi trường tại các cơ sở xử lý, các bãi chôn lấp chất thải rắn.

n) Phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước

- Lý do: Hợp nhất phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước do có chức năng, nhiệm vụ liên quan.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính tham mưu về:

- (1) Tài nguyên khoáng sản.
- (2) Tài nguyên nước.

(chi tiết tại Phụ lục số 1)

3.3. Chỉ cục và tương đương (04 đơn vị), trong đó:

a) Chỉ cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội (giữ nguyên và kiện toàn tổ chức bên trong)

- Lý do: Năm 2024 đã sáp nhập Chỉ cục Thủy sản vào Chỉ cục Chăn nuôi và Thú y thành Chỉ cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y (Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của UBND Thành phố); Đảm bảo tổ chức hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y từ Trung ương đến địa phương quy định tại Khoản 1, Điều 6, Luật Thú y 2015; Về Chăn nuôi và Thủy sản Hà Nội hiện đứng top đầu cả nước về số đầu gia súc, gia cầm và diện tích nuôi trồng thủy sản, có vai trò quan trọng, đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế ngành Nông nghiệp; tham mưu giúp Sở, Thành phố trong công tác phòng, chống dịch bệnh động vật.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính tham mưu về:

- (1) Chăn nuôi.
- (2) Thủy sản.
- (3) Thú y.

b) Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Hà Nội (giữ nguyên và kiện toàn tổ chức bên trong)

- Lý do: Năm 2018 đã hợp nhất Phòng trồng trọt thuộc Sở và Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội, thành Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Quyết định số 5683/QĐ-UBND ngày 23/10/2018); Năm 2024, được tổ chức lại sau khi chuyển 18 Trạm Trồng trọt và bảo vệ thực vật về cấp huyện tại Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 04/01/2024; Đảm bảo tổ chức hệ thống cơ quan chuyên ngành Bảo vệ và kiểm dịch thực vật được tổ chức từ Trung ương đến cấp huyện quy định tại Điều 9, Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật năm 2013; Hà Nội là một trong những tỉnh, thành có diện tích trồng trọt lớn thứ 2 tại vùng Đồng bằng Sông Hồng; Tham mưu giúp Sở, Thành phố trong công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật tư nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn Thành phố.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính tham mưu về:

(1) Trồng trọt.

(2) Bảo vệ thực vật.

c) Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai Hà Nội (giữ nguyên và kiện toàn tổ chức bên trong)

- Lý do: Năm 2022, Chi cục Thủy lợi hợp nhất với Chi cục Phòng, chống thiên tai thành Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai (Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 21/4/2022). Công tác phòng, chống thiên tai, lũ bão là nhiệm vụ khẩn cấp/cấp bách, phải tuân thủ nguyên tắc: “Phòng ngừa chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả” với phương châm: “4 tại chỗ” theo Chỉ thị 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư và cần phải có chỉ đạo, quản lý tập trung.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính tham mưu về:

(1) Thủy lợi.

(2) Đề điều và phòng, chống thiên tai.

d) Chi cục Kiểm lâm Hà Nội (giữ nguyên và kiện toàn tổ chức bên trong)

- Lý do: để đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ công việc khối lượng lớn: (1) Chi cục Kiểm lâm là cơ quan tham mưu Sở, Thành phố về công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn Thành phố; (2) Kiểm lâm có quyền xử lý vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm hành chính; khởi tố, điều tra hình sự hành vi vi phạm pháp luật về Lâm nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 104, Luật Lâm nghiệp 2017; khoản 3 Điều 9 Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự. Đồng thời hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp được tổ chức thống nhất, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ quản lý nhà nước về lâm nghiệp được quy định tại Điều 9, Nghị định 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ.

Đồng thời, kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong đảm bảo tinh gọn các Hạt Kiểm Lâm, các đội lưu động và bộ phận hành chính.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính tham mưu về:

(1) Lâm nghiệp.

(2) Kiểm lâm.

3.4. Đơn vị sự nghiệp công lập (08 đơn vị), trong đó:

a) Trung tâm Khuyến nông Hà Nội

- Lý do: Sáp nhập Trung tâm phát triển nông nghiệp Hà Nội thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn vào Trung tâm Khuyến nông Hà Nội.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính tham mưu về:

(1) Triển khai hoạt động khuyến nông.

(2) Các nhiệm vụ về hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, chế biến tiêu thụ sản phẩm.

(3) Nhiệm vụ xúc tiến nông nghiệp.

b) Trung tâm Phân tích và Chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp Hà Nội (giữ nguyên)

- Lý do: Giữ nguyên để đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong công tác phân tích và chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính về phân tích và chứng nhận chất lượng :

(1) Sản phẩm nông nghiệp.

(2) Vật tư nông nghiệp.

(3) Mẫu môi trường nông nghiệp.

c) Trung tâm Cứu hộ động vật hoang dã Hà Nội

- Lý do: Sáp nhập Ban quản lý rừng phòng hộ - đặc dụng Hà Nội thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn vào Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã Hà Nội thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Thời gian tới, UBND Thành phố sẽ phân cấp nhiệm vụ bảo vệ, quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ về các huyện quản lý. Sau khi phân cấp sẽ điều chuyển biên chế viên chức quản lý rừng về cấp huyện quản lý).

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính tham mưu về:

(1) Tổ chức cứu hộ, bảo tồn, nhân nuôi sinh sản, tổ chức nghiên cứu khoa học, phục vụ thăm quan, học tập.

(2) Hợp tác trong nước và quốc tế trong việc nghiên cứu, bảo tồn, trao đổi, cung cấp động vật hoang dã các thể hệ sau (F2).

(3) Phục hồi, nghiên cứu phát triển, kinh doanh các loại cây giống lâm nghiệp.

(4) Khôi phục và bảo tồn các hệ sinh thái, đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan và môi trường sinh thái, cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

d) Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp và môi trường Hà Nội

- Lý do: Hợp nhất Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới Hà Nội trực thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn (sau khi chuyển nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới về Trung tâm khuyến nông Hà Nội).

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính tham mưu về:

(1) Tổ chức các hoạt động khảo sát đo đạc đất đai, bản đồ địa chính, địa hình, bản đồ chuyên đề.

(2) Tư vấn về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

(3) Thực hiện công tác quản lý, vận hành các khu liên hợp xử lý chất thải rắn, các nhà máy (cơ sở) xử lý rác thải, nước thải.

- (4) Công tác vệ sinh môi trường.
- (5) Giám sát hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn.
- (6) Quản lý mạng lưới quan trắc tài nguyên, môi trường.
- (7) Tổ chức lập phương án và thực hiện các hoạt động, các chương trình quan trắc tài nguyên, môi trường.

(8) Xây dựng cơ sở dữ liệu về quan trắc tài nguyên, môi trường.

đ) Trung tâm Phát triển quỹ đất Hà Nội (giữ nguyên)

- Lý do: Giữ nguyên để đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính tham mưu về:

(1) Tạo lập, phát triển, quản lý, khai thác quỹ đất.

(2) Tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

(3) Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

(4) Tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất và thực hiện các dịch vụ khác trong lĩnh vực đất đai.

e) Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội (giữ nguyên)

- Lý do: Giữ nguyên để đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính tham mưu về:

(1) Đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

(2) Xây dựng, quản lý, cập nhật, chỉnh lý thống nhất hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai.

(3) Thống kê, kiểm kê đất đai.

(4) Cung cấp thông tin về đất đai cho các tổ chức, cá nhân theo quy định hiện hành của pháp luật.

g) Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số nông nghiệp và môi trường Hà Nội

- Lý do: Tổ chức lại Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên môi trường Hà Nội và đổi tên để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính tham mưu về:

(1) Thu thập, lưu trữ, quản lý, cung cấp thông tin tư liệu về hồ sơ lưu trữ liên quan đến công tác quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và môi trường.

(2) Thực hiện các hoạt động về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực của Sở Nông nghiệp và môi trường.

(3) Tổ chức thực hiện các dịch vụ về lưu trữ hồ sơ tài liệu và công nghệ thông tin.

l) Ban Quản lý và Duy tu các công trình nông nghiệp và môi trường Hà Nội

- Lý do: Tổ chức lại và đổi tên Ban Quản lý và duy tu các công trình nông nghiệp, nông thôn Hà Nội thành Ban Quản lý và duy tu các công trình nông nghiệp và môi trường Hà Nội (chuyển nhiệm vụ thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ bản dự án về Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Hà Nội. Ban chỉ làm công tác duy tu, bảo trì, sửa chữa các công trình nông nghiệp và môi trường).

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính tham mưu về:

- (1) Quản lý công tác dịch vụ thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội.
- (2) Duy tu, bảo dưỡng, vận hành an toàn các công trình phân lũ.
- (3) Chấp hành phương án phân lũ (chuyên lũ) từ sông Hồng vào sông Đáy khi có lệnh của cấp có thẩm quyền.
- (4) Thực hiện các hoạt động duy tu tu, duy trì thường xuyên, đột xuất các công trình thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

3.5. Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy sau hợp nhất

Sau hợp nhất Sở Nông nghiệp và Môi trường mới có: 25 đầu mối trực thuộc (13 phòng, 04 Chi cục và 08 đơn vị sự nghiệp), giảm 12 đơn vị, tỷ lệ 32%, trong đó:

- Số phòng chuyên môn: 13 phòng (giảm: 06 phòng, tỷ lệ 32 %).
- Số Chi cục và tương đương: 04 đơn vị (giảm 02 đơn vị, tỷ lệ 33 %).
- Đơn vị sự nghiệp công lập: 08 đơn vị (giảm 04 đơn vị, tỷ lệ 33 %).

4. Về biên chế và bố trí, sắp xếp nhân sự

4.1. Biên chế của Sở Nông nghiệp và Môi trường sau hợp nhất:

- Công chức: 711 biên chế (trong đó đã chuyển 02 người từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm nhiệm vụ giảm nghèo).
- Viên chức hưởng lương ngân sách nhà nước: 753 biên chế.
- Viên chức hưởng lương từ nguồn thu đơn vị sự nghiệp: 761 biên chế.
- Lao động hợp đồng:
- + Số HDLD theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP: 341 chỉ tiêu
- + HDLD theo Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND: 15 chỉ tiêu.

4.2. Về bố trí, sắp xếp nhân sự

Việc sắp xếp, bố trí nhân sự thống nhất thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Nguyên tắc chung

- Thực hiện bố trí, sắp xếp nhân sự gắn với tinh giản biên chế theo tinh thần chỉ đạo của Ban chỉ đạo tổng kết Nghị quyết 18-NQ/TW, theo đó giảm tối thiểu 20% biên chế công chức và 20% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày đơn vị mới được thành lập.

- Các cơ quan, đơn vị làm tốt công tác động viên tư tưởng đối với các trường hợp đủ điều kiện để thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

- Căn cứ vào năng lực chuyên môn và phẩm chất, đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan, đơn vị rà soát, xem xét nhu cầu, khối lượng công việc của đơn vị để ký hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ tại vị trí công tác cán bộ, công chức, viên chức đang đảm nhiệm để bảo đảm mục tiêu tinh giản biên chế không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị cũng như phát triển kinh tế xã hội của Thành phố.

- Trên cơ sở phương án sắp xếp tổ chức bộ máy được Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy thông qua và các nguyên tắc, điều kiện, tiêu chí cụ thể, thủ trưởng 2 đơn vị trao đổi, thảo luận, phân tích để dự kiến phương án bố trí nhân sự các phòng, đơn vị. Sau khi có quyết định thành lập đơn vị mới, tập thể lãnh đạo sở mới xem xét, quyết

định theo thẩm quyền trên cơ sở dự kiến của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trước khi sắp xếp, để đảm bảo bộ máy đi vào hoạt động ngay, không làm gián đoạn ảnh hưởng đến công việc của cơ quan, đơn vị. Riêng đối với các vị trí Trưởng phòng, Trưởng đơn vị trước khi Lãnh đạo Sở Quyết định phải được Ban Thường vụ Đảng ủy UBND Thành phố chấp thuận.

- Đối với các phòng, đơn vị giữ nguyên, có thể tiếp nhận thêm lãnh đạo của các phòng, đơn vị khác trong nội bộ sở, nếu có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác cũng như uy tín, năng lực... của cán bộ, đáp ứng ngay yêu cầu công việc.

b) Nguyên tắc cụ thể

- *Đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Sở:* Thực hiện theo phương án của Ban Thường vụ Thành ủy.

- *Đối với chức danh Trưởng phòng, Trưởng đơn vị*

+ Thực hiện sắp xếp, bố trí bảo đảm nguyên tắc 01 cấp trưởng/01 đơn vị. Số cấp trưởng còn lại (nếu có), bố trí ở vị trí cấp dưới liền kề hoặc bố trí tại vị trí khác phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, trình độ chuyên môn, năng lực, sở trường của cán bộ.

+ Thứ tự ưu tiên khi sắp xếp, bố trí cán bộ:

(1) Có phẩm chất đạo đức, năng lực nổi trội, có uy tín, trách nhiệm, tâm huyết với công việc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

(2) Có chuyên môn đào tạo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và phù hợp với tiêu chí, tiêu chuẩn theo khung năng lực vị trí việc làm.

(3) Có triển vọng, đã được quy hoạch chức vụ cao hơn, có khả năng và chiều hướng phát triển

(4) Có thâm niên giữ chức vụ Trưởng phòng lâu hơn và độ tuổi phù hợp với cơ cấu, xây dựng đội ngũ cán bộ trong cơ quan, đơn vị.

(5) Ưu tiên xem xét, bố trí lại vị trí cấp trưởng (đối với số cấp trưởng bố trí ở vị trí cấp dưới liền kề hoặc tại vị trí khác) nếu đáp ứng được điều kiện, tiêu chuẩn cũng như uy tín, năng lực... của bản thân theo quy định.

- *Đối với chức danh phó trưởng phòng, phó trưởng đơn vị*

+ Thực hiện nhập cơ học số lượng cấp phó của các đơn vị sau sáp nhập, hợp nhất. Trước mắt, số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị hình thành sau sắp xếp có thể cao hơn quy định nhưng các đơn vị phải xây dựng phương án giảm số lượng cấp phó theo quy định chung trong thời hạn 05 năm (kể từ ngày đơn vị mới được thành lập).

+ Trong sắp xếp cần lưu ý rà soát trình độ chuyên môn, năng lực công tác để điều động, bố trí sang đơn vị khác theo yêu cầu nhiệm vụ, trình độ chuyên môn, năng lực, sở trường của cán bộ.

+ Các cơ quan, đơn vị chỉ được bổ nhiệm mới cấp phó phòng khi cơ quan, đơn vị đó thực hiện xong phương án giảm số lượng cấp phó dôi dư theo quy định.

- *Đối với công chức, viên chức không giữ chức danh lãnh đạo quản lý*

+ Thực hiện tiếp nhận nguyên trạng công chức, viên chức không giữ chức danh lãnh đạo quản lý tại các đơn vị sau sắp xếp.

+ Tiến hành rà soát, đánh giá chất lượng đội ngũ để sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp với vị trí việc làm, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của từng người, đáp ứng ngay yêu cầu công việc và thực hiện mục tiêu tinh giản biên chế theo quy định.

+ Đối với các công chức, viên chức không giữ chức danh lãnh đạo quản lý làm việc tại vị trí việc làm dùng chung thực hiện giảm dần theo lộ trình hoặc điều động sang các đơn vị khác theo yêu cầu nhiệm vụ và trình độ chuyên môn.

+ Trước mắt, số lượng biên chế của các cơ quan, đơn vị mới tối đa không vượt quá tổng số cán bộ, công chức, viên chức hiện đang có mặt trước khi thực hiện sáp nhập, hợp nhất nhưng các cơ quan, đơn vị phải xây dựng phương án giảm biên chế theo quy định chung của Trung ương, Thành ủy, UBND Thành phố.

- *Đối với hợp đồng lao động*

+ Trước mắt thực hiện tiếp nhận nguyên trạng người lao động tại các đơn vị sau sáp nhập, hợp nhất. Sau đó, tiến hành rà soát, xây dựng Đề án vị trí việc làm, xác định vị trí, số lượng lao động hợp đồng phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới; tiến hành sắp xếp, bố trí người lao động phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và trình độ của từng người.

+ Thực hiện giải quyết chế độ chính sách theo quy định đối với các trường hợp dôi dư hoặc không thể bố trí được vị trí công tác khác.

c) *Trình tự thực hiện*

- Trên cơ sở thống kê, đánh giá thực trạng đội ngũ công chức, viên chức, người lao động tại thời điểm hợp nhất, thực hiện việc sắp xếp, bố trí công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và người lao động của Sở theo hướng:

(1) Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng, thực hiện phương án, quy trình điều động, luân chuyển, bổ nhiệm cấp Trưởng, cấp Phó của các đơn vị theo quy định.

(2) Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng, thực hiện phương án điều chuyển công tác đối với công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ và người lao động của các đơn vị, bảo đảm sự phù hợp giữa trình độ, năng lực, sở trường công tác với vị trí việc làm của đơn vị mới.

(3) Thực hiện tốt chính sách cán bộ theo quy định, bảo đảm thực hiện lộ trình giảm dần tiến tới thực hiện đúng số lượng lãnh đạo, quản lý và thực hiện mục tiêu tinh giản biên chế theo quy định.

5. Về tổ chức Đảng ủy và các tổ chức đoàn thể

Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện sắp xếp, kiện toàn các tổ chức đảng, đoàn thể, bảo đảm phù hợp với thực tiễn hoạt động và theo đúng quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Hợp nhất Đoàn thanh niên cơ quan Sở; tổ chức lại các Chi đoàn Thanh niên của các đơn vị đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức, đặc điểm của đơn vị.

- Hợp nhất Công đoàn cơ quan Sở; Tổ chức lại các Tổ công đoàn, công đoàn bộ phận thuộc Công đoàn cơ quan đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức, đặc điểm của đơn vị.

- Hợp nhất Hội cựu chiến binh cơ quan.

6. Về hồ sơ, tài liệu

Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện tiếp nhận nguyên trạng hồ sơ, tài liệu liên quan đến quản lý nhà nước, công tác hành chính, tài chính kế toán của các đơn vị thực hiện sắp xếp, tổ chức lại để quản lý và thực hiện theo quy định hiện hành.

7. Về tài chính, tài sản

Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận toàn bộ kinh phí, tài sản của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Sở Tài nguyên và Môi trường; thực hiện quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán. Hai bên có trách nhiệm lập biên bản bàn giao cụ thể theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

8. Về trụ sở

- Số 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Số 18 Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Trước mắt sử dụng nguyên trạng trụ sở của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Sở Tài nguyên và Môi trường. Ban Giám đốc Sở xây dựng phương án bố trí địa điểm làm việc của Giám đốc, Phó Giám đốc và các phòng, đơn vị mới đảm bảo phù hợp với tình hình, điều kiện cơ sở vật chất hiện có nhằm tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức làm việc hiệu quả, không ảnh hưởng đến công việc chung của Sở. Trong quá trình hoạt động, Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính xây dựng phương án đầu tư, sắp xếp, bố trí trụ sở làm việc ổn định, lâu dài, phát huy hiệu quả tài sản công.

- Tiếp nhận nguyên trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính, tài sản, công trình, dự án, vốn đầu tư công hiện có phù hợp với việc tiếp nhận, hợp nhất chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Sở Tài nguyên và Môi trường, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí theo đúng quy định và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

9. Điều khoản chuyển tiếp

- Sau khi có Quyết định hợp nhất của cấp có thẩm quyền, các Sở trước hợp nhất tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng nhiệm vụ được giao và giải quyết các thủ tục hành chính theo quy định.

- Trong thời gian thực hiện thủ tục chuyển đổi cơ quan chủ quản, các cơ quan, đơn vị thuộc Sở tiếp tục thực hiện con dấu theo quy định.

- Tiếp tục sử dụng trụ sở hiện có để đảm bảo hoạt động của các Sở không bị gián đoạn.

V. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

1. Đối với UBND Thành phố

- Đề nghị cấp có thẩm quyền quan tâm có chính sách, chế độ đãi ngộ đặc thù cho đội ngũ CBCCVC qua đó tạo môi trường thuận lợi, tạo điều kiện giúp CBCCVC yên tâm công tác, phát huy năng lực, trí tuệ trong thi hành nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện quy hoạch bố trí trụ sở làm việc phù hợp với quy mô, tính chất công việc của Sở Nông nghiệp và Môi trường đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

2. Đối với Bộ Nội vụ

Đề nghị tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; trong quá trình kiện toàn sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị có quy định các điều khoản chuyển tiếp như: quy định thời hạn bảo lưu số lượng cấp phó sau khi sắp xếp, có cơ chế hỗ trợ cho những trường hợp nghỉ dôi dư sau sắp xếp... và các cơ chế, chính sách hỗ trợ để các địa phương làm căn cứ triển khai đồng bộ, hiệu quả.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị trước khi sáp nhập, hợp nhất

1.1. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án hợp nhất Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Sở Tài nguyên và Môi trường thành Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện tiếp nhận nhiệm vụ và nhân sự làm công tác giảm nghèo.

- Phối hợp với Trung tâm Xúc tiến đầu tư thương mại du lịch Hà Nội thực hiện tiếp nhận nhiệm vụ và nhân sự làm công tác xúc tiến nông nghiệp

- Phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân trình Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân Thành phố trình Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, cho ý kiến trước khi trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết nghị phê duyệt Đề án hợp nhất Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Sở Tài nguyên và Môi trường thành Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn thống kê, rà soát, đề xuất phương án, bàn giao nhân sự, cơ sở vật chất, tài chính, tài sản, vốn đầu tư công, các công trình, dự án theo quy định.

1.2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn xây dựng Đề án hợp nhất Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Sở Tài nguyên và Môi trường thành Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn thống kê, rà soát, đề xuất phương án bàn giao, nhân sự, cơ sở vật chất, tài chính, tài sản, vốn đầu tư công, các công trình, dự án theo quy định.

2. Đơn vị mới sau khi sáp nhập, hợp nhất

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

- Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị thuộc Sở theo Đề án này; bổ nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo cơ quan, đơn vị được hợp nhất lại theo Đề án này, bảo đảm đúng quy định về tiêu chuẩn chức danh và phân cấp quản lý hiện hành.

- Xây dựng Đề án vị trí việc làm, danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở theo quy định; Chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở xây dựng Đề án vị trí việc làm, danh mục vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định của Chính phủ và quy định của Thành phố trong quá trình sắp xếp, tổ chức bộ máy.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Sở Tài nguyên và Môi trường; chủ động tham mưu Giám đốc Sở trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản sửa đổi, bổ sung bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong triển khai thực hiện.

- Thực hiện tiếp nhận nhân sự, cơ sở vật chất, tài chính, tài sản, vốn đầu tư công, các công trình, dự án theo quy định.
- Bố trí trụ sở làm việc, bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc đối với các đơn vị sau khi hợp nhất, tổ chức lại, bảo đảm khoa học, hợp lý, hiệu quả.
- Hướng dẫn các đơn vị thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài chính, tài sản, vốn đầu tư công, các công trình, dự án theo quy định và hướng dẫn của các Bộ, ngành có liên quan. Phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc bố trí trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc.
- Tham mưu UBND Thành phố thực hiện chuyển đổi cơ quan chủ quản đối với các đơn vị trực thuộc.
- Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện chuyển đổi cơ quan chủ quản đối với các đơn vị trực thuộc Sở. Trong thời gian chuyển đổi cơ quan chủ quản, các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện con dấu theo quy định.
- Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng đề án, trình Ủy ban nhân dân Thành phố giải thể: Chi cục Chất lượng, chế biến và phát triển thị trường Hà Nội để thành lập Phòng Chất lượng và phát triển thị trường; Chi cục Phát triển nông thôn để thành lập Phòng Phát triển nông thôn.
- Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng đề án, trình Ủy ban nhân dân Thành phố kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong của Chi cục Kiểm lâm; Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Hà Nội; Chi cục Thủy lợi và phòng, chống thiên tai Hà Nội;.
- Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng đề án, trình Ủy ban nhân dân Thành phố:
- + Tổ chức lại Trung tâm Khuyến nông trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Phát triển nông nghiệp Hà Nội vào Trung tâm Khuyến nông; tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới từ Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới Hà Nội; tiếp nhận nhiệm vụ xúc tiến nông nghiệp từ Trung tâm XTĐTTMDL Thành phố.
- + Tổ chức lại Trung tâm Cứu hộ động vật hoang dã trên cơ sở sáp nhập Ban Quản lý rừng phòng hộ - đặc dụng Hà Nội vào Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã Hà Nội.
- + Thành lập Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp và môi trường Hà Nội trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới Hà Nội (sau khi chuyển chức năng, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới về Trung tâm Khuyến nông).
- + Tổ chức lại và đổi tên Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thành Trung tâm công nghệ thông tin và chuyển đổi số nông nghiệp và môi trường.
- + Tổ chức lại và đổi tên Ban Quản lý và duy tu các công trình nông nghiệp, nông thôn Hà Nội thành Ban Quản lý và duy tu các công trình nông nghiệp và môi trường Hà Nội (chuyển nhiệm vụ thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ bản dự án về Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Hà Nội. Ban chỉ làm công tác duy tu, bảo trì, sửa chữa các công trình nông nghiệp và môi trường).
- Phối hợp cơ quan công an thực hiện thu hồi con dấu và đổi con dấu đối với các đơn vị trực thuộc.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Rà soát, điều chuyển nhiệm vụ giám nghèo về Sở về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Điều chuyển nhân sự và các vấn đề về tài chính, tài sản liên quan đến thực hiện nhiệm vụ giám nghèo về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

4. Trung tâm Xúc tiến đầu tư thương mại du lịch Hà Nội

- Rà soát, chuyển nhiệm vụ xúc tiến nông nghiệp về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Điều chuyển nhân sự và các vấn đề về tài chính, tài sản liên quan đến thực hiện nhiệm vụ xúc tiến nông nghiệp về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

5. Sở Tài chính

- Chủ trì hướng dẫn Sở Nông nghiệp và Môi trường xử lý tài chính, ngân sách, tài sản công trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy. Phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn việc bố trí trụ sở làm việc.

- Chủ trì hướng dẫn Sở Nông nghiệp và Môi trường xử lý việc chuyển tiếp quản lý dự án đầu tư công trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy nếu có.

6. Sở Xây dựng

Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính nghiên cứu, đề xuất bố trí sắp xếp lại trụ sở làm việc của Sở Nông nghiệp và Môi trường sau sắp xếp bảo đảm liên thông, đồng bộ phù hợp, hoạt động hiệu quả.

7. Sở Tư pháp

Chủ trì, thẩm định dự thảo Quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường sau sắp xếp, hợp nhất đảm bảo tiến độ theo kế hoạch của Thành phố.

8. Công an Thành phố

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị thực hiện thu hồi con dấu cũ và khắc dấu mới để đảm bảo hoạt động của đơn vị mới được liên tục, không gián đoạn.

VII. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Xây dựng Đề án

Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án hợp nhất hoàn thành trước 05/02/2025.

2. Báo cáo Lãnh đạo UBND Thành phố

Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo xin ý kiến các đồng chí Phó Chủ tịch UBND Thành phố phụ trách khối về nội dung Đề án. Hoàn thành trước ngày 07/02/2025.

3. Báo cáo Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố

Sở Nội vụ báo cáo Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố Đề án hợp nhất Sở Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Sở Tài nguyên và Môi trường, trước 10/02/2025.

4. Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố báo cáo Ban Chỉ đạo Tổ chức bộ máy biên chế Thành phố. Trước 15/02/2025.

5. Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố trình xin chủ trương Thường trực và Ban Thường vụ Thành ủy phê duyệt. Trước 20/02/2025.

6. Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tư pháp và các sở, ngành liên quan hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét sau khi Ban Chỉ đạo Trung ương, Bộ Chính trị phê duyệt phương án và Luật Tổ chức chính quyền địa phương có hiệu lực thi hành.

VIII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Đảng ủy, Giám đốc Sở, tập thể Lãnh đạo Sở tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt việc triển khai thực hiện hợp nhất tổ chức, kịp thời chỉ đạo xử lý các vấn đề phát sinh; chấn chỉnh, xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân thiếu trách nhiệm trong triển khai thực hiện Đề án.

2. Làm tốt công tác chính trị tư tưởng. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức tự giác, tạo sự đồng thuận của các tổ chức và toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của Sở. Đề cao trách nhiệm nêu gương của đảng viên, công chức, viên chức, đặc biệt là đảng viên, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thực hiện chủ trương của Đảng, Ban Chỉ đạo Trung ương và Ban Chỉ đạo của Chính phủ; Ban Chỉ đạo của Thành phố về sắp xếp tổ chức bộ máy của Sở tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

3. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật; quy định, quy chế của Sở về quản lý, sử dụng công chức, viên chức; quy chế làm việc và các quy định, quy chế khác có liên quan. Đổi mới phương pháp, quy trình, cách thức làm việc của Sở và các đơn vị, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chuyên môn của đơn vị sau hợp nhất.

4. Thực hiện điều chỉnh số lượng biên chế công chức, số lượng người làm việc của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở. sắp xếp, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý và công chức, viên chức hợp lý, đặc biệt quan tâm bố trí công chức, viên chức có năng lực, trình độ, kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

5. Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng và chế độ, chính sách đối với đội ngũ công chức, viên chức. Khuyến khích, động viên cán bộ lãnh đạo, quản lý và công chức, viên chức thực hiện chính sách cán bộ do sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy để bảo đảm số lượng lãnh đạo, quản lý và thực hiện mục tiêu tinh giản biên chế theo lộ trình.

6. Chuẩn bị đầy đủ điều kiện, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc, tài chính, tài sản để sau khi hợp nhất, Sở Nông nghiệp và Môi trường đi vào hoạt động ngay và bảo đảm hiệu lực, hiệu quả trong triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Sở.

IX. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

1. Tác động tích cực

1.1. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả chủ trương tiếp tục tinh gọn bộ máy theo tinh thần Nghị quyết 18-NQ/TW, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo Trung ương; Ban Chỉ đạo của Chính phủ; Ban Chỉ đạo của Thành phố.

1.2. Việc xây dựng, thực hiện đề án góp phần đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn, giảm cấp trung gian, giảm nhiều đầu mối bên trong, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ công chức, viên chức, giảm chi thường xuyên sẽ nhận được sự đồng tình, ủng hộ của dư luận xã hội, tạo hiệu ứng xã hội tốt.

1.3. Tinh gọn cơ cấu tổ chức Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Sở Tài nguyên và Môi trường, làm căn cứ để tiếp tục tinh gọn tổ chức bên trong của các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở, tạo sự liên thông, cải cách thủ tục, thời gian, quy trình trong xây dựng, hoạch định chính sách và tổ chức thực thi các nhiệm vụ quản lý nhà nước của Sở.

1.4. Tiếp tục thực hiện mục tiêu tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc Sở, gắn với việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Đảng về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong công tác cán bộ và công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức.

1.5. Góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức của Sở nói chung, của các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở nói riêng.

2. Dự báo một số khó khăn khi thực hiện đề án

2.1. Đối với việc sắp xếp tổ chức

- Tổ chức mới được hình thành sau khi hợp nhất có quy mô lớn hơn; khối lượng nhiệm vụ, công việc nhiều đòi hỏi có sự đồng thuận cao trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; đồng thời phải có sự cải tiến, thay đổi quy trình, cách thức giải quyết khoa học và hiệu quả.

- Các vấn đề khác có liên quan, như tài chính, tài sản, trụ sở làm việc của tổ; các quy định liên quan đến việc thực hiện chức năng nhiệm vụ mới phải điều chỉnh, bổ sung sau khi hợp nhất cần có thời gian để bảo đảm sắp xếp, bố trí hợp lý, khoa học và hiệu quả.

- Với quy mô mới của Sở Nông nghiệp và Môi trường sau hợp nhất, 01 trụ sở là khó đáp ứng, việc bố trí làm việc tại các trụ sở khác nhau sẽ không thuận lợi trong công tác chỉ đạo, điều hành.

2.2. Đối với việc sắp xếp nhân sự

- Việc hợp nhất tổ chức là công việc khó, nhạy cảm, phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến con người trong từng tổ chức, trong đó có cả việc sắp xếp các vị trí lãnh đạo, quản lý, tinh giản biên chế sau khi hợp nhất, do đó ảnh hưởng đến tâm tư, nguyện vọng của đội ngũ công chức, viên chức. Do vậy, trong thời gian đầu thực hiện Đề án, Sở Nông nghiệp và Môi trường cần tập trung làm tốt công tác tư tưởng nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm chính trị trong thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Sở.

- Một số ít công chức, viên chức có thể còn có tâm lý ngại thay đổi, lo lắng ảnh hưởng đến chế độ, chính sách, gây khó khăn nhất định trong quá trình rà soát, sắp xếp, bố trí đến làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mới.

X. ĐÁNH GIÁ TÍNH KHẢ THI CỦA ĐỀ ÁN

Quá trình xây dựng, thực hiện Đề án được tiến hành với quyết tâm chính trị cao, có sự quan tâm, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo Trung ương, Chính phủ, Ban Chỉ đạo của Chính phủ, Ban Chỉ đạo của Thành phố. Đề án thuận lợi là cơ bản; một số khó khăn, vướng mắc sẽ được khắc phục khi triển khai trong thực tế. Do vậy, có đủ căn cứ để khẳng định, Đề án đảm bảo tính khả thi cao.

Trên đây là Đề án hợp nhất Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Sở Tài nguyên và Môi trường, kính trình HĐND Thành phố (kèm theo dự thảo Quyết định của UBND Thành phố quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các PCT UBND TP;
- Các đại biểu HĐND TP;
- Ban Tổ chức Thành ủy;
- Ban Pháp chế HĐND TP;
- Các Sở: Nội vụ, NN&PTNT, TNMT;
- VP UBND TP: CVP, PCVP, NC, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Sơn

